SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 24/01/2024 08:09:23

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành trung ương khóa XII về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội Giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Hệ thống y tế được đổi mới, phát triển bảo đảm công bằng, hiệu quả, chất lượng, có tính giải trình, bền vững và khả năng chống chịu, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

2. Chăm sóc sức khỏe dựa trên nhu cầu và lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế, dược phẩm và thiết bị y tế có chất lượng với chi phí hợp lý.

3. Thực hiện phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân từ sớm, từ xa ngay tại cơ sở, bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp và đại dịch. Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, ưu tiên đầu tư ngân sách và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm các dịch vụ y tế cơ bản.

4. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

5. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó ngành Y tế là nòng cốt; khuyến khích, thúc đẩy và phát huy vai trò của khu vực ngoài công lập.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ trung ương đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh; thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong giữa các vùng, miền, các nhóm dân tộc. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

c) Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

d) Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

đ) Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển dược, thiết bị y tế được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

e) Bảo đảm việc tiếp cận và tính sẵn có của thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; ưu tiên phát triển công nghiệp dược, dược liệu và thiết bị y tế trong nước. Việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

g) Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo, bãi ngang ven biển, các khu vực khó khăn.

h) Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, chính sách y tế tiếp tục được đổi mới, bảo đảm chất lượng, đầy đủ, đồng bộ; năng lực quản trị hệ thống y tế được nâng cao theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, hội nhập.

3. Định hướng đến năm 2045

Hệ thống y tế phát triển hiện đại, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao sức khỏe nhân dân

a) Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia …

b) Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng, miền, dân tộc.

c) Tập trung cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật, ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo, khu vực khó khăn nhằm giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng miền. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030.

d) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thống nhất đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương. Xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

đ) Thực hiện chăm sóc dài hạn, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích tại cộng đồng; tăng cường công tác y tế học đường. Thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021- 2025, Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

e) Phòng chống tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất và chất thải độc hại đến sức khỏe con người. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

a) Tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng số loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách.

b) Tăng nguồn lực trong nước cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét để thực hiện mục tiêu cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030.

c) Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Chú trọng sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật; phấn đấu đến năm 2030, người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân.

d) Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân.

đ) Đẩy mạnh quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, thiết lập hệ thống chuyển tuyến chuyên môn linh hoạt.

e) Thống nhất mô hình tổ chức, quản lý với trung tâm y tế cấp huyện theo hướng chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức và hoạt động của trạm y tế phải phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận của người dân. Các tỉnh, thành phố có mật độ dân cư cao sắp xếp trạm y tế theo quy mô dân số, không nhất thiết theo địa giới hành chính. Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất căn cứ quy mô lao động, điều kiện thực tiễn và nhu cầu để thành lập cơ sở y tế phù hợp.

3. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và sự hài lòng của người bệnh

a) Nâng cao và công bằng trong tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng có chất lượng, rút ngắn khoảng cách giữa các tuyến, các vùng miền, từng bước thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, đặc biệt với những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đối tượng chính sách. Phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

b) Hoàn thiện phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh theo quốc tế; hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chống kháng thuốc. Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập chất lượng bệnh viện phù hợp với thông lệ quốc tế.

c) Đảm bảo sự kết nối, tương tác hiệu quả giữa các cấp độ chăm sóc, giữa khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Nâng cao năng lực của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh trong chuẩn bị và ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, đặc biệt là hồi sức tích cực, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hàng ngày cho người bệnh.

đ) Tập trung mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế chất lượng ngay tại y tế cơ sở. Tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên môn trong trường hợp vượt quá khả năng điều trị tại chỗ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm quá tải bệnh viện tuyến trên.

e) Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết. Ban hành danh mục dịch vụ

kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

g) Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; kết hợp quân dân y. Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Gắn phát triển dược liệu với phát triển kinh tế - xã hội.

h) Cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu của người lao động tại các khu công nghiệp. Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế góp phần phát triển kinh tế.

4. Công tác dân số và phát triển

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Có chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư…. Tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

5. Phát triển nhân lực y tế

a) Đổi mới toàn diện công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực cho y tế cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo, chú trọng nâng cao năng lực thực hành và chuyên môn. Đổi mới việc thi, cấp chứng chỉ hành nghề; triển khai hoạt động của Hội đồng Y khoa quốc gia.

b) Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, cơ cấu phù hợp và chất lượng nhân lực y tế cho từng vùng, từng cấp độ chăm sóc và từng chuyên khoa, đặc biệt một số chuyên khoa khó tuyển như lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm, y học cổ truyền… Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

c) Xây dựng và ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, trình độ đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe. Từng bước bảo đảm nhân lực y tế đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí như của các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học về sức khỏe ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực.

d) Thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế. Có các chính sách đột phá để thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi làm việc, gắn bó lâu dài tại y tế cơ sở, nhất là vùng khó khăn, biên giới, biển đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, y học cổ truyền...

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong phòng bệnh, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm; dịch bệnh mới phát sinh; nghiên cứu thích ứng với quá trình già hóa dân số.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến.

c) Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến để sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế, thiết bị y tế có chất lượng cao.

d) Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm thuốc, thực phẩm, thiết bị y tế.

7. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, thiết bị y tế

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hướng tới mục tiêu phát triển ngành Dược ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

b) Đổi mới cơ chế phân phối, bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác.

c) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, thực phẩm, thiết bị y tế. Công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cấp phép, mua sắm thuốc, thiết bị y tế.

d) Nâng cao năng lực sản xuất thiết bị y tế trong nước; thiết lập hệ thống sản xuất, kiểm chuẩn, kiểm nghiệm, kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Phát triển dược liệu và các sản phẩm từ nguồn dược liệu trong nước thành lĩnh vực sản xuất hàng hóa có chất lượng và giá trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và trên thế giới.

8. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

b) Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành y tế trên phạm vi toàn quốc; lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

c) Duy trì và củng cố việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

9. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế

a) Huy động nguồn tài chính

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Huy động các nguồn viện trợ, tài trợ, vay ưu đãi trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục nghiên cứu có chính sách thuế phù hợp đối với các hàng hoá có nguy cơ cho sức khỏe: đồ uống có cồn, có ga, nước giải khát có đường, thuốc lá..., hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo, người mắc các bệnh ung thư...

- Đẩy mạnh xã hội hoá; đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh lành mạnh để khuyến khích y tế tư nhân phát triển.

b) Phân bổ nguồn tài chính

- Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn, nghiên cứu y học, lĩnh vực tâm thần, phong.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính cho hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người có công, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, nhân dân ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và điều kiện thực tiễn. Tăng cường kiểm soát, giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế.

c) Chi trả dịch vụ y tế

- Thực hiện lộ trình giá dịch vụ theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí (cả khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng, y tế cơ sở). Nghiên cứu tiếp tục tăng mức đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp với ngân sách nhà nước, khả năng chi trả của Nhân dân. Xây dựng chính sách, mở rộng quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nguồn lực bảo hiểm y tế.

- Đổi mới phương thức chi trả dịch vụ y tế từ chi trả theo phí dịch vụ sang kết hợp với các phương thức chi trả khác, bao gồm thanh toán theo định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan.

- Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản; chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng.

10. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh

a) Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh; phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện từng nơi; bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

b) Triển khai có hiệu quả Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe nhân dân đến năm 2030, Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030.

c) Thực hiện kết hợp quân - dân y xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động Ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự; sẵn sàng đáp ứng y tế trong các tình huống quốc phòng và an ninh.

11. Tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và truyền thông cung cấp thông tin y tế

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe. Xây dựng các kế hoạch hành động liên ngành trong chăm sóc sức khỏe nói chung và đặc biệt trong chuẩn bị và ứng phó có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh.

b) Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

c) Chủ động đàm phán và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của y học Việt Nam.

d) Hài hoà hoá các thủ tục, quy trình với khu vực và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực.

đ) Triển khai công tác cung cấp thông tin y tế đồng bộ, minh bạch, chính xác, kịp thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm, các thành tựu, kết quả hoạt động của công tác y tế, các tấm gương điển hình cán bộ nhân viên y tế, y đức, y nghiệp và truyền thống lịch sử ngành y tế.

12. Hoàn thiện hệ thống thể chế, tăng cường quản lý nhà nước về y tế

a) Tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về y tế trên cơ sở bám sát thực tiễn, phát hiện nhanh các vấn đề phát sinh và kịp thời điều chỉnh quy định của pháp luật có liên quan. Tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và lựa chọn mô hình mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị minh bạch, hiệu quả. Thực hiện các hoạt động truyền thông vận động chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thực thi chính sách.

b) Xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; về cơ bản, các bộ (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), các cơ quan ngang bộ không chủ quản các bệnh viện; Bộ Y tế chỉ chủ quản một số rất ít bệnh viện đầu ngành; phát triển và tăng cường sự tham gia của y tế ngoài công lập trong cung ứng dịch vụ y tế công.

c) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

đ) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, duy trì dịch vụ công cấp độ 4 trong các lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược bao gồm: Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, người dân, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược.

3. Thực hiện nguyên tắc tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới: Y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám bệnh, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối

với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Chiến lược này. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan trong việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương rà soát, thống kê, đánh giá, sắp xếp danh mục đề án, dự án ưu tiên đầu tư.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính và cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

d) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn và hướng dẫn sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước 5 năm và hằng năm để thực hiện các nội dung của Chiến lược.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan xây dựng các chính sách an sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động, các đối tượng chính sách, đối tượng trợ giúp xã hội thụ hưởng các chính sách y tế liên quan (người nghèo, người cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động và người lao động không có hợp đồng lao động…); đảm bảo an toàn cho trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trường học trong các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em và học sinh trong trường học; bảo đảm nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ phù hợp trong việc thực hiện công tác sức khỏe học đường; Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường và Chương trình y tế trường học trong các trường mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng các chính sách, giải pháp về: kiểm soát, quan trắc và xử lý từ nguồn phát sinh đối với các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; quản lý, chia sẻ thông tin quan trắc về các chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người; thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

6. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công Thương xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực nông thôn, hướng dẫn xử lý và cấp nước quy mô hộ gia đình khu vực nông thôn.

8. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án vận động toàn dân luyện tập thể dục thể thao bảo vệ, nâng cao sức khỏe; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, đề án thể dục thể thao trong trường học nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực của người Việt Nam; xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp an toàn du lịch, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

9. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế xây dựng hệ thống văn kiện bảo đảm y tế cho các trạng thái quốc phòng; hướng dẫn xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và lực lượng huy động ngành y tế trong tình trạng khẩn cấp. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế và các địa phương xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và bộ đội, góp phần củng cố an ninh quốc phòng tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

10. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn trong cơ sở y tế; ngăn chặn, đẩy lùi hành vi vi phạm trong lĩnh vực y tế.

11. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đảm bảo cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị; xây dựng và đảm bảo các quy chuẩn quốc gia đối với các công trình xây dựng để đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng, chống bệnh tật trong quá trình sử dụng của cộng đồng trong phạm vi lĩnh vực được phân công quản lý.

12. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức

triển khai thực hiện các chính sách về bảo hiểm y tế; phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

13. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể trong lĩnh vực, ngành mình phụ trách; phối hợp với Bộ Y tế tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược.

14. Các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược này với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; tổ chức thực hiện Chiến lược có hiệu quả.

15. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào rèn luyện, nâng cao sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng; giám sát việc thực hiện Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP; TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KGVX (2b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà